

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/4/2021.

V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn và
tranh chấp nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Lệ**.
2. Ông: **Nguyễn Quốc Tiến**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Tạ Như T**, sinh năm: 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 211, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 211, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Tạ Như T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết

hôn tại UBND xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/7/2010.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống, giữa bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên cự cãi nhau, tính tình không phù hợp, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm và không quan tâm nhau. Ông H thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt và không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Bà T và ông H đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay thấy rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông H quá trình chung sống có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Hùng V, sinh ngày 01/3/2007, hiện đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Như T xác định vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 08/02/2021, ông Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông H xác nhận nội dung trình bày của bà T về vấn đề hôn nhân và mâu thuẫn trong hôn nhân là đúng. Tuy nhiên, ông H không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông H xác nhận giữa ông và bà T quá trình chung sống có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Hùng V, sinh ngày 01/3/2007, hiện đang sống cùng với bà T. Ông H đồng ý giao cháu V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông H xác nhận giữa ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H xác nhận giữa ông và bà T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Tạ Như T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H có địa chỉ ở số 211, ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông H là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tạ Như T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/7/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện xin ly hôn vì lý do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn H có mặt và có ý kiến xác nhận mâu thuẫn hôn nhân như bà T trình bày là đúng, nhưng không đồng ý ly hôn với bà T. Tuy nhiên, ông H không đưa ra được lý do và chứng cứ chứng minh cho ý kiến không đồng ý ly hôn của mình. Đồng thời, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thành. Tại phiên tòa, bà T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H của bà Tạ Như T.

[4] *Về con chung:* Bà Tạ Như T và ông Nguyễn Văn H đều có ý kiến xác nhận quá trình chung sống giữa ông bà có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Hùng V, sinh ngày 01/3/2007, hiện đang sống cùng với bà T. Bà T và ông H thống nhất thỏa thuận giao cháu V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, thỏa thuận này cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu V là muốn được sống cùng với mẹ. Bà T xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung:* Bà Tạ Như T và ông Nguyễn Văn H thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Bà Tạ Như T và ông Nguyễn Văn H thống nhất xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Tạ Như T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Tạ Như T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Như T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hùng V, sinh ngày 01/3/2007 cho bà Tạ Như T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, nếu bà T gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trường hợp bà T không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Tạ Như T và ông Nguyễn Văn H thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Tạ Như T và ông Nguyễn Văn H thống nhất xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Tạ Như T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001064 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Tạ Như T đã nộp đủ án phí phải nộp.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh

